**Giao tác A: - Quản lý 1 xem danh sách các món hiện có (khi này sẽ giữ khóa đọc) - Delay 15s (Giao tác B thực hiện) - Quản lý 1 muốn thêm một món vào danh sách nhưng không thực hiện được (chờ giao tác B nhả khóa). Giao tác B: - Quản lý 2 xem danh sách các món hiện có (giữ khóa đọc) - Quản lý 2 xóa 1 món trong danh sách nhưng không thực hiện được vì ở giao tác A chưa nhả khóa (chờ giao tác A). Và giao tác B cũng không nhả khóa. => Dẫn đến 2 tác chờ nhau và deadlock xảy ra => DMBS sẽ kill 1 giáo tác.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên Use Case:** | Xem danh sách món ăn. (quản lý). | |
| **Kịch bản:** | Quản lý muốn xem danh sách món ăn. | |
| **Sự kiện kích hoạt:** | Quản lý chọn chức năng quản lý món ăn để xem danh sách món ăn. | |
| **Tóm tắt mô tả:** | Quản lý vào phần quản lý món ăn để xem danh sách món ăn. | |
| **Actors:** | Quản lý. | |
| **Stakeholders:** |  | |
| **Điều kiện trước:** | Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống. | |
| **Điều kiện sau:** | Hiển thị danh sách món ăn. | |
| **Luồng chính:** | Actor | System |
| 1. Quản lý đăng nhập. 2. Quản lý chọn chức năng quản lý món ăn. | 1. Hệ thống kiểm tra thông tin và phân quyền. 2. Hệ thống hiển thị dashboard quản lý món ăn (danh sách món ăn). |
| **Ngoại lệ:** | 1.1. Nếu đăng nhập sai, hệ thống yêu cầu đăng nhập lại.  1.2. Nếu tài khoản bị khóa, hệ thống thông báo tùy chối truy cập. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên Use Case:** | Thêm món ăn. | |
| **Kịch bản:** | Quản lý muốn thêm món ăn vào danh sách món của nhà hàng. | |
| **Sự kiện kích hoạt:** | Quản lý chọn thêm món ăn trong phần quản lý món ăn. | |
| **Tóm tắt mô tả:** | Quản lý muốn thêm một món ăn mới vào danh sách món của nhà hàng. | |
| **Actors:** | Quản lý. | |
| **Stakeholders:** |  | |
| **Điều kiện trước:** | Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống. | |
| **Điều kiện sau:** | Món ăn được thêm vào thành công. | |
| **Luồng chính:** | Actor | System |
| 1. Quản lý đăng nhập. 2. Quản lý chọn chức năng quản lý món ăn 3. Quản lý chọn chức năng thêm món ăn. 4. Quản lý nhập thông tin món ăn và chọn loại món. | 1. Hệ thống kiểm tra thông tin và phân quyền. 2. Hệ thống hiển thị dashboard quản lý món ăn (danh sách món của nhà hàng). 3. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin món ăn. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin rồi thêm vào database. Thông báo thêm thành công. |
| **Ngoại lệ:** | 1.1. Nếu đăng nhập sai, hệ thống yêu cầu đăng nhập lại.  1.2. Nếu tài khoản bị khóa, hệ thống thông báo tùy chối truy cập.  4.1. Nếu quản lý không xác nhận thì hệ thống sẽ không thêm món ăn vào.  4.2. Nếu số lượng quản lý nhập không hợp lệ thì hệ thống sẽ thông báo và yêu cầu nhập lại. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên Use Case:** | Xóa một món ăn. | |
| **Kịch bản:** | Quản lý muốn xóa một món ăn khỏi danh sách. | |
| **Sự kiện kích hoạt:** | Quản lý chọn quản lý món ăn rồi thực hiện xóa một món ăn. | |
| **Tóm tắt mô tả:** | Quản lý sẽ vào quản lý món ăn rồi thực hiện xóa một món ăn. | |
| **Actors:** | Quản lý. | |
| **Stakeholders:** |  | |
| **Điều kiện trước:** | Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống. | |
| **Điều kiện sau:** | Món ăn được xóa. | |
| **Luồng chính:** | Actor | System |
| 1. Quản lý đăng nhập. 2. Quản lý chọn chức năng quản lý món ăn. 3. Quản lý nhấn chọn món ăn. 4. Quản lý chọn tùy chọn xóa. 5. Xác nhận. | 1. Hệ thống kiểm tra thông tin và phân quyền. 2. Hệ thống hiển thị dashboard quản lý món ăn. 3. Hệ thống hiển thị khung CRUD của món ăn đó. 4. Hệ thống gửi thông báo yêu cầu xác nhận lần nữa. 5. Hệ thống sẽ cập nhật thuộc tích isActive = 0 cho món ăn đó ở database. |
| **Ngoại lệ:** | 1.1. Nếu đăng nhập sai, hệ thống yêu cầu đăng nhập lại.  1.2. Nếu tài khoản bị khóa, hệ thống thông báo tùy chối truy cập.  5.1. Nếu quản lý không xác nhận thì món ăn đó sẽ không bị xóa. | |